

TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 3 – ĐẮK LẮK

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 10/2025/DS-ST

Ngày 12 – 8 – 2025

V/v: “T/c Hợp đồng vay tài sản”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 - ĐẮK LẮK

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Đỗ Văn Tha.

Các hội thẩm nhân dân: Ông Hoàng Duy Thanh và bà Nguyễn Thị Hoài

Bảo

Thư ký phiên tòa: Bà Đinh Thị Thảo – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 3 – Đắk Lắk

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 – Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Mỹ Châu – Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 8 năm 2025 tại Tòa án nhân dân khu vực 3 – Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 334/2024/TLST – DS ngày 10 tháng 12 năm 2024 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2025/QĐXXST- DS ngày 03 tháng 7 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 04/2025/QĐST-DS ngày 21 tháng 7 năm 2025 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Lê Thị L, sinh năm 1977 – Có mặt

Địa chỉ: B N, phường T, tỉnh Đắk Lắk

Bị đơn: Bà H Năn N, sinh năm 1970 – Vắng mặt

Ông Y Nai H, sinh năm 1969 – Vắng mặt

Địa chỉ: Buôn H, xã C, tỉnh Đắk Lắk

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình tố tụng nguyên đơn trình bày:

Ngày 05/7/2019, vợ chồng ông Y Nai H, bà H Năn N (gọi là vợ chồng ông Y N1) có vay của bà L số tiền 133.000.000 đồng, hẹn đến ngày 05/8/2019 sẽ trả, khi vay vợ chồng Y N1 có viết giấy vay tiền đưa bà L giữ, mục đích vay là để trả nợ ngân hàng. Nhưng từ đó cho đến nay vợ chồng ông Y N1 không trả cho bà L, mặc dù bà L đã đòi nhiều lần. Nay bà L yêu cầu Tòa án buộc vợ chồng ông Y N1 phải trả cho bà L 133.000.000 đồng tiền nợ gốc và tiền lãi suất từ ngày 06/8/2019 cho đến khi giải quyết xong vụ án với mức lãi 10%/năm.

Trong quá trình tố tụng: Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải nhưng bị đơn H Năn N, Y Nai H vẫn vắng mặt nên Tòa án không tiến hành lấy lời khai và hoà giải được.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án;

Đối với Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Nguyên đơn đã thực hiện đúng và đầy đủ các quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Bị đơn chưa thực hiện đúng và đầy đủ các quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Áp dụng các Điều 463; Điều 466; Điều 468 Bộ luật dân sự;

Chấp nhận đơn khởi kiện của nguyên đơn Lê Thị Lành

Buộc ông Y Nai H phải trả cho bà Lê Thị L 133.000.000 đồng tiền gốc và lãi suất theo quy định của pháp luật.

Về án phí: ông Y Nai H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về thẩm quyền và quan hệ pháp luật: Nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết là “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 3 – Đắk Lắk.

[2]. Về thủ tục tố tụng: Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng bị đơn Y Nai H, bà H Năn N vẫn vắng mặt nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa nguyên đơn Lê Thị L thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện về việc không yêu cầu bà H Năn N phải trả tiền cho bà. Việc thay đổi yêu cầu của bà L không vượt quá phạm vi yêu cầu khởi kiện ban đầu nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3]. Về nội dung vụ án: Ngày 05/7/2019, vợ chồng ông Y Nai H, bà H Năn N (gọi là vợ chồng ông Y N1) có vay của bà Lê Thị L số tiền 133.000.000 đồng, hẹn đến ngày 05/8/2019 sẽ trả. Đến hạn trả nhưng vợ chồng ông Y N1 không trả nợ cho bà L.

[3.1]. Do bị đơn ông Y Nai H, bà H Năn N vắng mặt nên nguyên đơn Lê Thị L đề nghị Tòa án tiến hành trưng cầu giám định chữ viết, chữ ký, chữ viết của

ông Y Nai H, bà H Năn Niê trong giấy mượn tiền ngày 05/7/2019. Tại bản kết luận giám định số 396/KLGD-PC ngày 24 tháng 3 năm 2025 của Phòng K Công an tỉnh Đ đã kết luận: Chữ ký, chữ viết họ tên Y Nai H tại giấy mượn tiền với chữ ký, chữ viết trong các tài liệu mẫu so sánh là do cùng một người ký và viết ra. Chữ ký, chữ viết họ tên H Năn N tại giấy mượn tiền với chữ ký, chữ viết trong các tài liệu mẫu so sánh không đủ cơ sở kết luận chữ ký, chữ viết mang tên H Năn N dưới mục “Người mượn”. Như vậy, chỉ có căn cứ buộc ông Y Nai H trả cho bà L 133.000.000 đồng tiền gốc và lãi suất là có căn cứ.

[3.2]. Về lãi suất: Tính từ ngày vi phạm nghĩa vụ trả nợ, ngày 06/8/2019 đến ngày xét xử (ngày 12/8/2025) như sau: $133.000.000 \text{ đồng} \times (6 \text{ năm } 06 \text{ ngày}) \times 10\%/\text{năm} = 80.021.000 \text{ đồng}$.

Như vậy ông Y Nai H phải trả cho bà L 133.000.000 đồng tiền gốc và 80.021.000 đồng tiền lãi.

[4]. Về án phí và chi phí tố tụng khác:

[4.1]. Về án phí: Yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Bị đơn ông Y Nai H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm: $212.800.000 \text{ đồng} \times 5\% = 10.651.000 \text{ đồng}$.

[4.2]. Về chi phí giám định: Do yêu cầu trưng cầu giám định chữ ký, chữ viết của nguyên đơn Lê Thị L là có căn cứ nên bị đơn Y Nai H phải chịu 3.600.000 đồng chi phí giám định. Bà L được nhận lại số tiền này khi thu được từ ông Y Nai H.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 147; khoản 1 Điều 161; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Áp dụng các Điều 463, 466, 468 Bộ luật dân sự;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Lê Thị L.

Buộc ông Y Nai H phải trả cho bà Lê Thị L số tiền 213.021.000 đồng (Trong đó nợ gốc 133.000.000 đồng, nợ lãi 80.021.000 đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án cho đến khi thi hành xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Về chi phí giám định: Ông Y Nai H phải chịu 3.600.000 đồng tiền chi phí giám định. Bà Lê Thị L được nhận lại 3.600.000 đồng tiền tạm ứng chi phí giám định sau khi thu được từ ông Y Nai H.

Về án phí: Ông Y Nai H phải chịu 10.651.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Lê Thị L được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 4.963.000 đồng theo biên lai thu số AA/2023/0008125 ngày 06/12/2024 tại Phòng thi hành án dân sự khu vực 3 – Đắk Lắk.

Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hoặc niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án này được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND Khu vực 3 – Đắk Lắk;
- THADS tỉnh Đắk Lắk;
- Phòng THADS Khu vực 3 – Đắk Lắk;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu VP.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đỗ Văn Tha